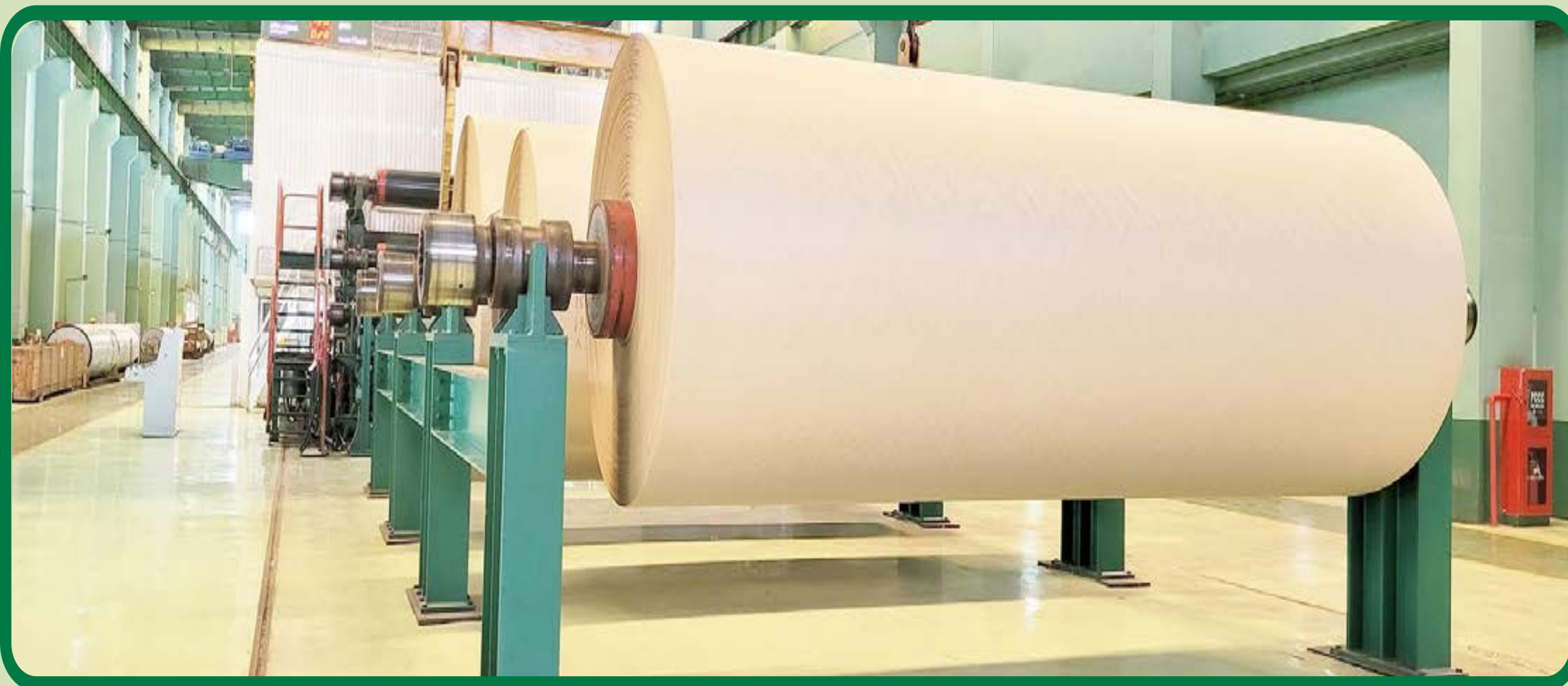




CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Lô AIII, Khu Công Nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Điện thoại | (0275) 3611 666 / (0275) 2470 655

Fax | (0275) 3611 222 / (0275) 3635 222

Email | donghai@dohacobentre.com

Mục lục

Thông tin chung

5

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Tình hình hoạt động trong năm

29

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

61

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

71

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Quản trị Công ty

75

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Báo cáo tài chính

89

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



01

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các thành tích tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tên viết tắt: DOHACO

Trụ sở: Lô AIII, Khu Công Nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Vốn điều lệ: 804.930.480.000 đồng

Điện thoại: (0275) 3611 666 / (0275) 2470 655

Fax: (0275) 3611 222 / (0275) 3635 222

Email: donghai@dohacobentre.com

Website: <http://www.dohacobentre.com.vn>

Ngành nghề: Sản xuất và kinh doanh giấy, bao bì carton

Mã cổ phiếu: DHC

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2003 và điều chỉnh lần thứ 20 ngày 10 tháng 01 năm 2023.





Lịch sử hình thành và phát triển

2003

Chuyển đổi sang Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre theo quyết định số 4278/QĐ-UB của UBND tỉnh Bến Tre ngày 25/12/2002 dưới hình thức cổ phần hóa. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300358260 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02/04/2003.

2008

Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre chính thức trở thành công ty đại chúng theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2011

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức lễ khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động Nhà máy Giấy Giao Long (giai đoạn I) và Nhà máy Bao Bì số 02.

2007

Khởi công xây dựng Nhà máy Giấy Giao Long (giai đoạn I) tại xã Giao Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2009

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán là DHC theo quyết định số 58/QĐ-SGDHCM của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM.

2016

Công ty triển khai thực hiện Dự án Nhà máy Giấy Giao Long giai đoạn 2 với công suất 660 tấn/ ngày.

2020

Thành lập Công ty con Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre với tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

2022

Tháng 04/2022: Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre đi vào hoạt động chính thức.

Tháng 06/2022: Đại hội đồng cổ đông ra chủ trương đầu tư Công ty Cổ phần Giấy Giao Long với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư của dự án 1.800 tỷ đồng.

2015

Chính thức chuyển trụ sở chính của Công ty về địa chỉ Lô AIII, Khu Công Nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2019

Đưa nhà máy Giao Long giai đoạn 2 đi vào hoạt động chính thức.

2021

Đại hội đồng cổ đông ra chủ trương đầu tư Công ty Cổ phần sản xuất giấy.

Các thành tích tiêu biểu



Cúp vàng Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO

Cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt



Cúp vàng Thương hiệu - Sản phẩm - Uy tín - Chất lượng - 2008



Giấy chứng nhận Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO

Giấy Chứng nhận top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam – 2008



Các giấy chứng nhận thương hiệu Công ty CP Đông Hải Bến Tre



Giấy chứng nhận Thương hiệu uy tín chất lượng - 2009

Chứng nhận Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam - 2009



Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2022

Các thành tích tiêu biểu (tiếp theo)

Certificate SGSHK-COC-370179

The Organization

DONG HAI JOINT STOCK COMPANY OF BEN TRE

Lot All, Giao Long Industrial Zone, An Phuoc Ward, Chau Thanh District, Ben Tre Province, Vietnam

SGS

has been assessed and certified as meeting the requirements of

FSC™ Chain-of-Custody

The company was assessed against the following standards

FSC-STD-40-004 V3-1 - Chain of Custody Certification

FSC-STD-40-007 V2-0 Sourcing reclaimed material for use in FSC Product Groups or FSC Certified Projects - April 2011

FSC-STD-50-001 Requirements for use of the FSC trademarks by Certificate Holders

for the products detailed in the scope below:

Purchasing of FSC 100%, FSC Mix and FSC Recycled paper, paperboard, corrugated paper and paperboard, post-consumer reclaimed paper;
Manufacture and Sales of FSC 100%, FSC Mix, FSC Recycled Wrapping and packaging paper, Linerboard or testliner, Fluting and Corrugated
paper packaging (transfer system)

This certificate is valid from 18 October 2022 until 02 August 2023 and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.

Issue 4, Certified since 03 August 2018

Authorised by

Ben Tsang

SGS Hong Kong Limited

Units 303 & 305, 3/F., Building 22E, Phase 3, Hong Kong Science Park, New Territories, Hong Kong

T + (852) 2334 4451 - www.sgs.com

The validity of this certificate shall be verified periodically by SGS. For the full list of product groups covered by the certificate see info.sgs.com. This certificate shall serve as evidence of origin for a particular product supplied by the certificate holder in FSC-certified (or FSC Controlled Wood) Products offered shipped in bulk by the certificate holder can only be considered covered by the scope of this certificate when the required FSC claim is clearly stated on sales and delivery documents. The certificate remains the property of SGS. The certificate and all copies or reproductions shall be returned or destroyed if requested by SGS.

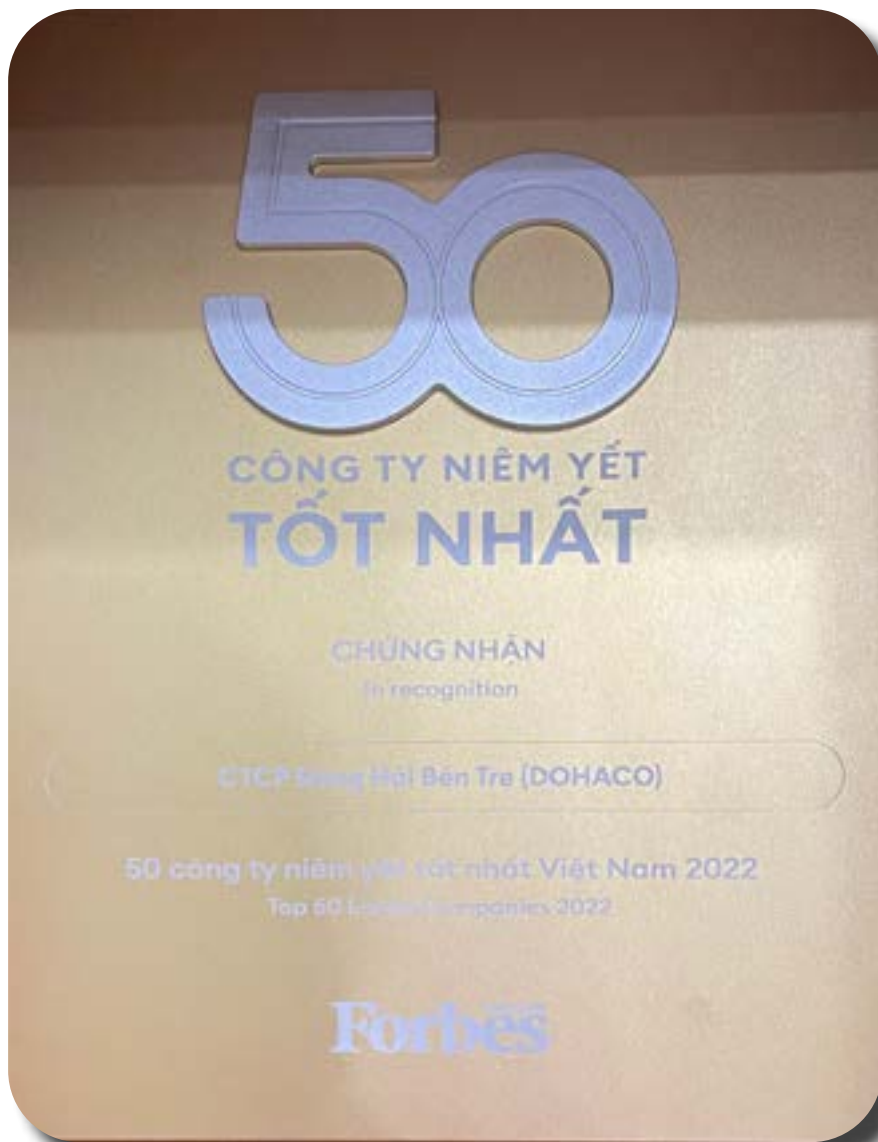


This document is an authentic electronic certificate for Client business purposes use only. Printed version of the electronic certificate are permitted and will be considered as a copy. This document is issued by the Company subject to SGS General Conditions of certification services available on [Terms and Conditions](#) (SGS). Attention is drawn to the limitation of liability, indemnification and jurisdictional clauses contained therein. This document is copyright protected and any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful.



Page 1 / 1

Chứng nhận FSC năm 2022



Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022



Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2022

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Mã	Ngành
0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
1701 (Chính)	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa
1702	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa
1811	In ấn
1812	Dịch vụ liên quan đến in
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4632	Bán buôn thực phẩm
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

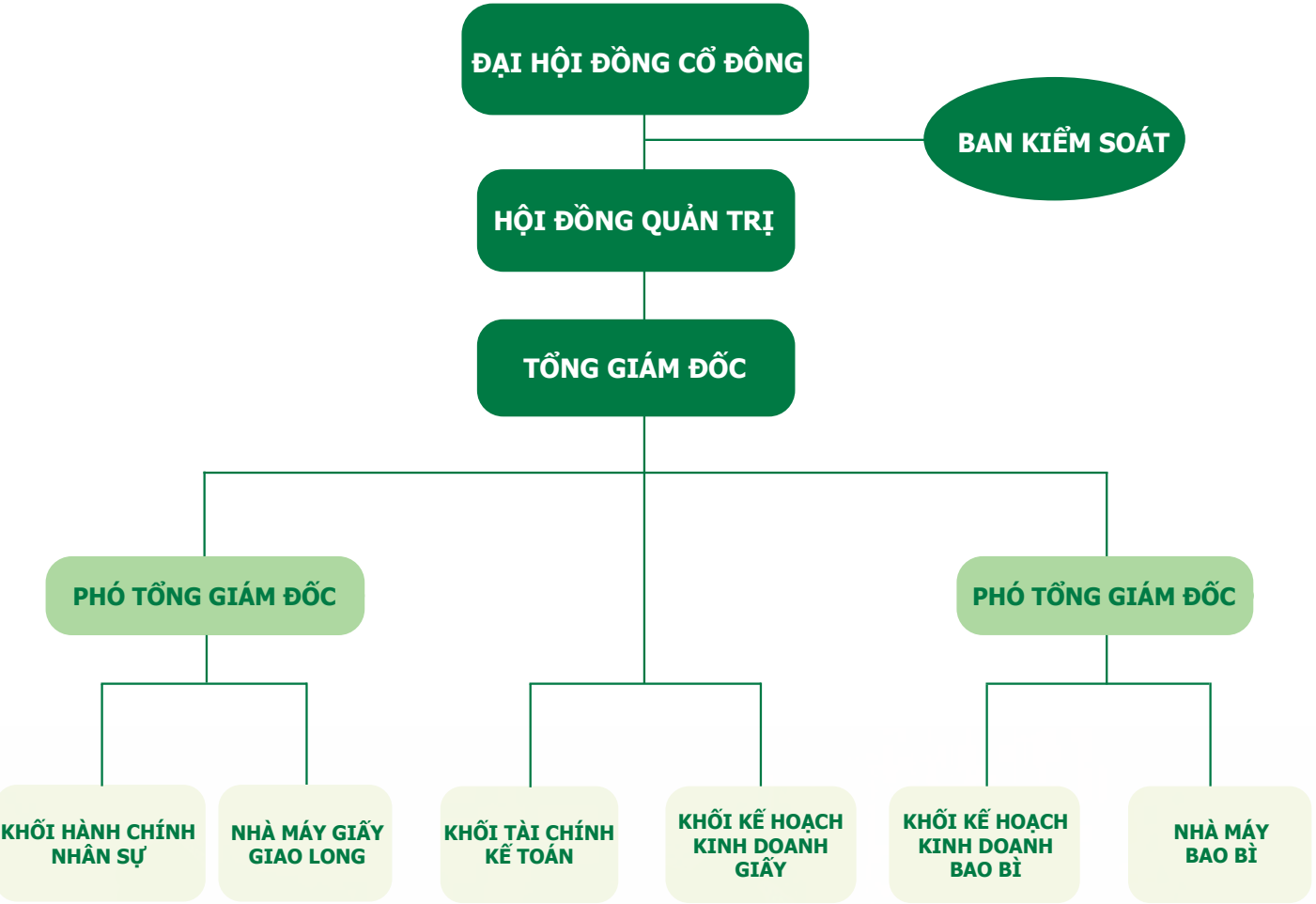


Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh chính ở khu vực Miền Nam, đặc biệt là hai vùng kinh tế trọng điểm lớn của cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, tập trung nhiều ngành nghề sản xuất và chế biến dẫn đến nhu cầu cao về giấy và bao bì.



Mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý





Căn cứ theo Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, DHC lựa chọn mô hình tổ chức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc



Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (tiếp theo)

Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre



Địa chỉ: Lô AIV-8, AIV-9, Khu Công Nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh bao bì Carton.

Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 100%

Công ty Cổ phần Giấy Giao Long



Địa chỉ: Lô CN01, CN02, CN03, CN04, Cụm Công nghiệp Long Phước, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất, kinh doanh giấy công nghiệp

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 97%

Ghi chú: Công ty Cổ phần Giấy Giao Long đang trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long



Địa chỉ: 126 Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 26%

Định hướng phát triển

Tâm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi

Tâm nhìn



Việc hạn chế rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilon và gia tăng khuyến khích sử dụng bao bì giấy thay thế đang có dấu hiệu phát triển sâu rộng và mạnh tại Việt Nam. Những ưu điểm vượt trội của giấy bao bì so với bao bì nhựa, kim loại và gỗ đã khiến mặt hàng này dần trở nên phổ biến tại các nước trên thế giới. Với mong muốn vừa phát triển một dòng sản phẩm có xu hướng phát triển mang lại hiệu quả, vừa duy trì môi trường sống xung quanh và bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã quyết định đầu tư và tập trung sản xuất kinh doanh 02 dòng sản phẩm chính là giấy công nghiệp và bao bì carton. Đặc biệt, giấy công nghiệp GIAO LONG PAPER là dòng sản phẩm chủ lực, có mặt trên thị trường từ năm 2011 đến nay, ngày càng được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao và tin dùng.

Quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần củng cố nền tảng phát triển của Công ty.

Với lý tưởng đó, Đông Hải không ngừng nỗ lực, cống hiến cho sự đổi mới và chia sẻ giá trị đến các đối tác cùng đội ngũ nhân viên của mình. Chúng tôi luôn sẵn sàng và chào đón mọi cơ hội, thử thách trên hành trình thực hiện lý tưởng của mình.

Sứ mệnh

“Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn”

Thể hiện sự khát khao phát triển lớn mạnh của Công ty Đông Hải dựa trên nền tảng môi trường sống của cộng đồng dân cư xung quanh nói riêng và cả đất nước Việt Nam nói chung, với xu hướng hiện tại của thế giới, các sản phẩm giấy thân thiện với môi trường đang dần được thay thế các sản phẩm từ nhựa gây ô nhiễm nghiêm trọng cho môi trường, góp phần thay đổi nhận thức của con người trong công cuộc bảo vệ môi trường xanh. Đây là lời kêu gọi toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre hãy suy nghĩ và nhận thức nâng cao tinh thần trách nhiệm và có hành động thiết thực trong công việc hàng ngày của mình, kể cả ý thức và trách nhiệm trong việc ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.



Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi chính là giá trị quan trọng nhất, là linh hồn của Công ty. Khác với các giá trị theo nghĩa thông thường, giá trị cốt lõi của Công ty hướng đến chiều sâu, tính bền vững và lâu dài. Ở Đông Hải, chúng tôi sẵn sàng thể hiện và cho mọi người thấy rõ giá trị cốt lõi của Công ty: “Tôn trọng - Công bằng - Cam kết - An toàn - Đạo đức - Tuân thủ”. Đông Hải luôn hoạt động để đạt được giá trị quan trọng nhất mà Công ty đã đề ra.

Định hướng phát triển (tiếp theo)

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty hoạt động tên tinh thần “DOHACO cam kết mang đến lợi ích tối đa cho khách hàng” với mục tiêu chủ yếu “Phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy 02 dòng sản phẩm giấy công nghiệp - bao bì carton làm trọng tâm phát triển”. Công ty cũng tích cực tìm kiếm đối tác mới để mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong mảng giấy công nghiệp.



Chiến lược trung và dài hạn

- Trong dài hạn, Công ty đề ra mục tiêu cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, từ đó có thể hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần phát triển giá trị cốt lõi của Công ty.
- Đẩy mạnh mở rộng thị trường nội địa, quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trước các đối thủ trong và ngoài nước. Công ty cũng chú trọng tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang các nước trong khu vực.
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển các kỹ năng quản lý.

Phát triển bền vững với môi trường và xã hội

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm và có những hành động thiết thực đối với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- Là công ty sản xuất giấy và bao bì, Công ty luôn ý thức được hoạt động sản xuất kinh doanh ảnh hưởng một mức nhất định đến môi trường xung quanh. Do đó Công ty tập trung đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải cũng như thường xuyên rà soát các vấn đề khác trong quá trình hoạt động để không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre luôn quan tâm đến đời sống, sức khỏe và tinh thần của công nhân viên. Công ty chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết của người lao động. Công ty còn hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho công nhân viên.



Rủi ro trong quá trình hoạt động

Rủi ro kinh tế

Chiến tranh giữa Nga – Ukraine, xung đột chính trị giữa Trung Quốc – Đài Loan,... đã làm tắc nghẽn chuỗi cung ứng và đẩy giá nguyên vật liệu lên cao. Đà tăng lãi suất điều hành quyết liệt của Cục dự trữ Liên Bang Mỹ (FED) sẽ tác động mạnh hơn đến tăng trưởng việc làm và chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ và châu Âu, gây khó khăn cho tình hình tài chính của toàn cầu.

Trước những khó khăn của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ do Chính phủ đề ra. Theo báo cáo Chính phủ tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, kinh tế Việt Nam đã hồi phục mạnh mẽ, đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kinh tế đã đặt ra, với mức tăng trưởng GDP là 8,02%, lạm phát được duy trì nhỏ hơn 4%. Động lực tăng trưởng chính của kinh tế Việt Nam đến từ giai đoạn phục hồi kinh tế, hoạt động nới lỏng chính sách giữa các quốc gia sau đại dịch. Thêm vào đó là chủ trương chính sách đầu tư công của Chính phủ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức khác đến từ vấn đề gia tăng chi phí đầu vào, chi phí vận tải, lãi suất,... khiến cho hoạt động của ngành giấy nói chung và Công ty nói riêng gặp khó khăn.



Rủi ro tiền tệ

Năm 2022, Mỹ đã trải qua tình trạng lạm phát tăng lên kỷ lục trong vòng 40 năm qua. Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất cơ bản từ 0,25% lên 4,5% nhằm có thể kiểm soát lạm phát. Để có thể kiểm soát tỷ giá và kinh tế vĩ mô, nhiều Ngân hàng Trung ương trên thế giới cũng đã tăng lãi suất theo, trong đó có Việt Nam. Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã tăng lãi suất điều hành vào các tháng cuối năm, làm cho lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn trở về tương đương giai đoạn trước dịch. Do đó, các Ngân hàng thương mại trong nước cũng đã phải tăng lãi suất huy động và cho vay. Lãi suất và tỷ giá tăng cao gây áp lực chi phí tài chính cho hoạt động thương mại giữa Công ty và các đối tác trong hoạt động mua bán.



Rủi ro cạnh tranh

Ngành giấy Việt Nam đang có nhiều cơ hội để phát triển, nên trong năm 2022 có nhiều dự án đầu tư vào nhà máy giấy với công suất lớn. Dự báo là sẽ làm tăng sản lượng toàn ngành sản xuất giấy đạt 2,31 triệu tấn/năm vào năm 2026. Hiện nay, ngành giấy có hơn 300 doanh nghiệp, trong đó có khoảng 20 doanh nghiệp quy mô sản xuất từ 100 nghìn tấn/năm, còn lại là doanh nghiệp vừa và nhỏ đã làm tính cạnh tranh trong ngành giấy ngày càng khốc liệt. Công ty cần phải xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, khai thác và bám sát nhu cầu sử dụng của khách hàng cá nhân cũng như khách hàng doanh nghiệp, tận dụng tốt lợi thế cạnh tranh của mình để tối đa hóa lợi nhuận.



Rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro biến động chi phí

Công ty sử dụng giấy OCC làm nguyên liệu đầu vào để phục vụ cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Giá giấy OCC chiếm trên 70% chi phí nguyên liệu đầu vào của Công ty. Tình trạng thiếu hụt giấy OCC dần gia tăng dẫn đến việc các doanh nghiệp tranh giành mua giấy phế liệu nội địa để duy trì sản xuất giấy, gây khó khăn trong công tác thu mua nguyên liệu, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, vấn đề về chi phí vận tải cũng cần được quan tâm, mặc dù giá cước vận tải đã giảm trong 06 tháng cuối năm 2022 nhưng đã hình thành mặt bằng giá cao hơn giai đoạn năm 2019 (năm chưa xảy ra dịch bệnh). Giá nước sạch tăng lên trong năm 2022 càng làm cho vấn đề chi phí đầu vào thêm áp lực. Để hạn chế thấp nhất rủi ro từ giá nguyên vật liệu đầu vào, Công ty cần có chính sách thu mua nguyên vật liệu thích hợp vào từng thời điểm và đa dạng hóa nguồn cung cấp để phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra.

Rủi ro môi trường

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề xanh hóa, bảo vệ môi trường, tái chế là những vấn đề mà xã hội đang quan tâm đến. Công ty luôn có chiến lược nâng cấp và cải tiến hệ thống nước thải để đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, kết hợp với sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.



Rủi ro khác

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì có thể tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho Công ty phục hồi sau thiệt hại.



Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre hoạt động dưới hệ thống pháp luật Việt Nam, là công ty cổ phần được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh nên chịu sự chi phối của luật Doanh nghiệp, luật Chứng khoán, luật Đầu tư, luật Bảo vệ môi trường,... Ngoài ra, Công ty còn chịu ảnh hưởng của các Hiệp định được ký kết giữa Việt Nam và các nước trong vấn đề hợp tác thương mại đa phương. Trong quá trình hoàn thiện, biến động chính trị là tất yếu và sẽ tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, lao động và kế hoạch cũng như chiến lược dài hạn của Công ty. Do đó, doanh nghiệp cần thường xuyên theo dõi, cập nhật những thay đổi của pháp luật để đưa ra các mục tiêu, biện pháp phù hợp, tránh làm xấu hình ảnh doanh nghiệp.





02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	%TH2022/ KH2022	%TH2022/ TH2021
Doanh thu	4.164,3	3.900,0	3.934,7	100,89%	94,49%
Lợi nhuận trước thuế	511,6	515,0	437,2	84,89%	85,46%
Lợi nhuận sau thuế	481,3	450,0	379,5	84,33%	78,85%

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2021	Giá trị năm 2022	%Năm 2022/2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.164,8	3.935,9	94,50%
Các khoản giảm trừ doanh thu	(0,5)	(1,1)	220,00%
Lãi/ lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	0,4	0,3	75,00%
Doanh thu hoạt động tài chính	14,7	20,6	140,14%
Doanh thu khác	3,1	5,5	177,42%



Nhận xét tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2022 vừa qua, tuy sản lượng sản xuất và bán ra ổn định nhưng giá giấy trên thế giới có nhiều biến động, khó dự đoán, khiến cho giá bán và doanh thu thuần của Công ty giảm lần lượt khoảng 15% và 5,5%. Công ty có Công ty con là Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre mới đi vào hoạt động chính thức từ tháng 04 năm 2022 nên sản lượng sản xuất và bán ra còn thấp, chưa góp nhiều doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Thêm vào đó là thuế thu nhập doanh nghiệp tăng cao do dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 đã hết thời hạn miễn thuế cũng khiến cho lợi nhuận của Công ty không đạt được kế hoạch. Nhìn chung trong năm 2022, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 94,49% và 78,85% so với năm 2021, đây là một thành quả đáng khích lệ trong hoàn cảnh nhiều khó khăn, thách thức đối với ngành giấy trong nước và quốc tế. Ngoài ra, dự án Nhà máy Giấy Giao Long 3 sẽ được tiếp tục triển khai, có thể giúp nâng công suất sản xuất giấy của Dohaco cao hơn vào năm 2026.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	3.966.450	5,67%
2	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	6.100.009	8,71%
3	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	6.689.083	9,56%
4	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	162.500	0,23%
5	Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	395.000	0,56%

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Lương Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 12/11/1962

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 3.966.450 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 2003 – 2012: Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2
- 2012 – 2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2014 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2017 – 2020: : Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – Nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



Ông Lê Bá Phương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/11/1964

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 6.100.009 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 2012 – 2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2013 – 2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2014 – 2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 27/11/1963

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 6.689.083 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1993 – 2001: Phó Phòng, Trưởng Phòng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP Hồ Chí Minh
- 2001 – 2007: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
- 2007 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2012 – 2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
- 2012 – 2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – 2022: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đại Thiên Lộc
- 2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2022 - Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Ông Marco Martinelli - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 11/12/1978

Quốc tịch: Thụy Sĩ

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 162.500 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Turicum Investment Management AG
- Thành viên Hội đồng quản trị Tim Vietnam JSC.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1998 – 1999: Nhân viên Ngân hàng Credit Suisse Thụy Sĩ
- 2000 – 2007: Quản lý tài sản Turicum Investment Management AG
- 2007 – 2013: Quản lý quỹ T.I.M Vietnam Tiger Fund
- 2013 – 2016: Quản lý danh mục đầu tư Daragon Capital Group
- 2016 – 2018: Giám đốc Turicum Investment Management AG
- 2020 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Ông Dương Thành Công - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 03/02/1989

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 395.000 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải

Quá trình công tác:

- 2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải
- 2017 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- 2022 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ tại Công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	28/02/2007	17/06/2022
Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	17/06/2022	-

Ghi chú: Ông Lê Quang Hiệp hết nhiệm kỳ vào ngày 17/06/2022



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban kiểm soát

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban kiểm soát	19.350	0,03%
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên Ban kiểm soát	400	0%
3	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Ban kiểm soát	701.868	1,00%

Thay đổi trong Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ tại Công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên Ban kiểm soát	10/12/2020	17/06/2022
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Ban kiểm soát	17/06/2022	-

Ghi chú: Ông Lê Hoàng Phong hết nhiệm kỳ vào ngày 17/06/2022



Lý lịch Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Bích Thúy - Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 11/05/1985

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 19.350 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2005 – 2007: Kế toán Công ty TNHH SXTM Thép Đại Thiên Lộc
- 2007 – 2011: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2011 – 2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2017 – Nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch Ban kiểm soát (tiếp theo)

Bà Đoàn Hồng Lan- Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 17/04/1986

Trình độ: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 400 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2006 – 2009: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2009 – Nay: Nhân viên Quản lý Nhân sự Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2012 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



Ông Nguyễn Quốc Bình - Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 26/05/1977

Trình độ: Đại học chuyên ngành Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 701.868 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 01/2007 – 09/2007: Chuyên viên Phân tích Công ty Đầu tư Việt Phát
- 09/2007 – 2018: Chuyên viên đầu tư cao cấp tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 06/2016 – 2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 06/2022 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	3.966.450	5,67%
2	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	6.100.009	8,71%
3	Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	440.010	0,63%
4	Bà Nguyễn Hồng Thanh	Quyền Kế toán trưởng	-	-

Thay đổi trong Ban điều hành

Tên	Chức vụ tại Công ty	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của Công ty/ người nội bộ
Bà Lê Thị Hoàng Huệ	Kế toán trưởng	24/06/2013	01/01/2023
Bà Nguyễn Hồng Thanh	Quyền Kế toán trưởng	01/01/2023	-

Lý lịch Ban điều hành

Ông Lương Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Lê Bá Phương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Vui lòng xem ở Lý lịch Hội đồng quản trị

Bà Hồ Thị Song Ngọc - Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 11/02/1983

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 440.010 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2005 – 2008: Nhân viên tiếp nhận, triển khai đơn hàng thuộc phòng KHKD-CL Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2008 – 2010: Phó Giám đốc Kinh Doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2010 – 2012: Giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2010 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- Tháng 04/2020 - nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

Bà Nguyễn Hồng Thanh - Quyền Kế toán trưởng

Ngày sinh: 06/01/1986

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Quyền Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 07/2011 – 09/2014: Kế toán thanh toán Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn
- 02/2014 – 09/2015: Kế toán viên VPĐD Allergan Singapore PTE LTD tại TP.HCM
- 04/2017 – 08/2018: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phân Phối Sành Điệu
- 09/2018 – 03/2020: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Sô cô la Marou
- 12/2021 – 12/2022: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 01/2023 – nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Tình hình cán bộ nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	564	100%
Trên Đại học	1	0,18%
Trình độ Đại học, Cao đẳng	180	31,91%
Trình độ Trung cấp	43	7,62%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	18	3,19%
Lao động phổ thông	322	57,09%
Theo tính chất hợp đồng lao động	564	100,00%
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	5	0,89%
Hợp đồng xác định thời hạn	247	43,79%
Hợp đồng không xác định thời hạn	312	55,32%
Theo giới tính	564	100%
Nam	494	87,59%
Nữ	70	12,41%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (Người)	540	532	564
Thu nhập bình quân (Đồng/Người/ tháng)	8.720.000	12.220.000	12.001.646



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Tình hình cán bộ nhân viên (tiếp theo)

Chính sách đối với người lao động

Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Người lao động được đảm bảo quyền lợi theo đúng quy định của Pháp luật. Công ty còn tổ chức phát thưởng định kỳ và đột xuất nhằm tôn vinh những cá nhân, tổ chức trong Công ty có thành tích xuất sắc trong năm hoặc có những đóng góp ý tưởng mang tính đột phá trong sự nghiệp phát triển chung của Công ty. Trong năm 2022, Công ty đã khen thưởng cá nhân tiên tiến, cá nhân xuất sắc, tập thể xuất sắc cũng như có các sáng kiến, cải tiến mang lại hiệu quả cho Công ty với tổng số tiền khen thưởng trên 1,4 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức định kỳ các buổi khám sức khỏe cho toàn bộ lao động nhằm theo dõi và hỗ trợ kịp thời cho các cá nhân người lao động bị ảnh hưởng bởi môi trường làm việc. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty cũng thường tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi du lịch hàng năm, cụ thể trong năm 2022, Công ty đã tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham quan nghỉ mát tại Vũng Tàu với tổng số tiền gần 800 triệu đồng.



Về tuyển dụng

Ngoài việc tuyển dụng theo yêu cầu của các khối/nhà máy, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến việc tuyển bổ sung các vị trí có nhân sự nghỉ việc để đảm bảo hoạt động của Công ty được duy trì suôn sẻ. Công ty cam kết tìm kiếm những ứng viên có trình độ phù hợp với từng vị trí công việc và đáp ứng được yêu cầu của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo quy trình tuyển dụng được thực hiện một cách minh bạch và chuyên nghiệp để đảm bảo tính công bằng và chất lượng của các ứng viên được lựa chọn.

Về đào tạo và phát triển nhân viên

Công ty hiểu rằng đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên là một yếu tố cực kỳ quan trọng để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện một cách hiệu quả và an toàn. Vì vậy, hằng năm, Công ty đã triển khai đào tạo và tái đào tạo các lớp về An toàn vệ sinh lao động, vận hành cầu trục, xe nâng, đào tạo ISO, 5S, sơ cấp cứu và diễn tập phòng cháy chữa cháy cho các nhân viên. Đây là cách Công ty đảm bảo rằng nhân viên được luôn cập nhật và nắm vững các kỹ năng mới nhất để đáp ứng được yêu cầu của công việc và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công ty cam kết đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo và phát triển nhân viên để đảm bảo tính chuyên nghiệp và năng động.



Về chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Ngoài việc đầu tư vào đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, Công ty cũng quan tâm đến việc bảo đảm an toàn và sức khỏe cho nhân viên trong quá trình làm việc. Chính vì vậy, Công ty đã cấp đồng phục và bảo hộ lao động phù hợp với vị trí công việc để đảm bảo tính an toàn và chuyên nghiệp cho nhân viên. Hơn nữa, nhân viên còn được tham gia các lớp đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, diễn tập phòng cháy chữa cháy để có thể đối phó với những tình huống khẩn cấp và đảm bảo an toàn cho bản thân và đồng nghiệp, cũng như an toàn tại chính Công ty.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Năm 2022, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Giấy Giao Long với số vốn góp là 97.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 97%. Công ty Cổ phần Giấy Giao Long được xây dựng tại Cụm Công nghiệp Long Phước, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Nhà máy này có kế hoạch xây dựng từ quý 4 năm 2023 đến quý 2 năm 2026 và sẽ đi vào hoạt động chính thức từ quý 4 năm 2026, được kỳ vọng đóng góp công suất sản xuất giấy đạt 1.200 tấn/ngày.

Vào tháng 03 năm 2023, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã góp 30.000.000.000 đồng (30 tỷ đồng) vào Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.

DOHACO
cam kết mang đến
lợi ích tối đa
cho khách hàng



Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre: Công ty đi vào hoạt động chính thức từ tháng 04/2022. Tổng doanh thu đạt được trong năm trên 130 tỷ đồng. Nhà máy hoạt động ổn định, phấn đấu mở rộng thị trường, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Công ty Cổ phần Giấy Giao Long: Hiện tại Công ty đang triển khai thực hiện các hồ sơ, thủ tục pháp lý, lập dự án Nhà máy giấy theo như tiến độ đã đề ra.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long: Trong năm 2022, hoạt động của công ty tương đối ổn định. Tổng doanh thu đạt được trong năm trên 35 tỷ đồng. Công ty đang đẩy mạnh phát triển thị trường ở Bến Tre cũng như các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long và tuyến vận tải đường thủy kết nối ra đời và vận hành thường xuyên sẽ làm giảm áp lực tắc nghẽn giao thông đường bộ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng, tạo sự khác biệt với phương thức truyền thống.



Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	2.401,3	2.882,5	120,04%
Doanh thu thuần	4.164,3	3.934,7	94,49%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	508,5	432,4	85,03%
Lợi nhuận khác	3,0	4,8	160,00%
Lợi nhuận trước thuế	511,6	437,2	85,46%
Lợi nhuận sau thuế	481,3	379,5	78,85%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35% bằng tiền; 15% cổ phiếu	≥ 30%	-

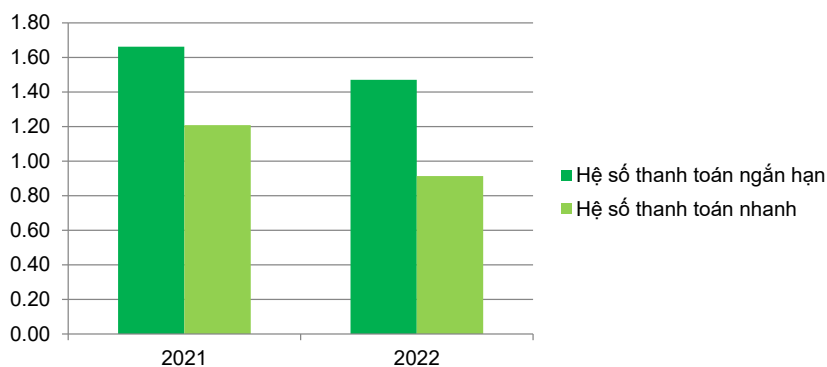
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,66	1,47
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,21	0,91
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản <i>Tổng nợ phải trả/ Tổng tài sản</i>	%	29,32	39,24
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu <i>Tổng nợ phải trả/ Vốn củ sở hữu</i>	%	41,49	64,59
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	11,01	7,01
Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,78	1,49
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,56	9,64
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	31,13	21,67
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	20,55	13,16
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	12,21	10,99



Nhận xét các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

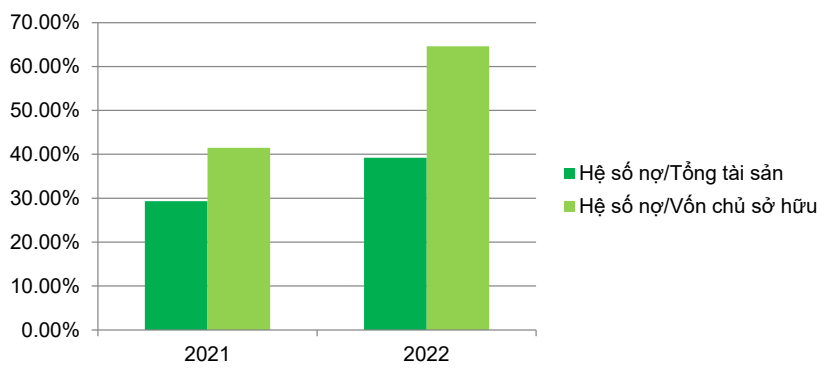


Năm 2022, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty đều giảm so với năm 2021. Nguyên nhân giảm chủ yếu của hai hệ số này là do tổng tài sản của Công ty đã tăng từ mức 2.401,3 tỷ vào năm 2021 lên 2.882,5 tỷ vào năm 2022. Chi tiết hơn, tài sản ngắn hạn của Công ty đã tăng lên từ mức 1.170,5 tỷ vào năm 2021 lên 1.662,8 tỷ vào năm 2022. Trong đó, hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn góp phần tăng lớn nhất. Giá trị của hàng tồn kho trong năm 2022 là 628,7 tỷ đồng trong khi năm 2021 là 320 tỷ đồng, nguyên nhân là do Công ty tận dụng giai đoạn giảm giá của nguyên vật liệu đầu vào để thu mua với giá thấp, nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh về sau. Trả trước người bán đã tăng từ mức 11,2 tỷ đồng vào năm 2021 lên 108,4 tỷ đồng vào năm 2022, nhằm có thể phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2023 có nhiều khó khăn và thách thức, khiến cho các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng từ mức 666,6 tỷ đồng vào năm 2021 lên 781,7 tỷ đồng vào năm 2022. Tổng tài sản dài hạn của Công ty không có quá nhiều biến động, giảm 11,1 tỷ trong năm 2022 so với năm 2021, tương ứng với mức giảm 0,90%.

Tình hình tài chính (tiếp theo)

Nhận xét các chỉ tiêu tài chính (tiếp theo)

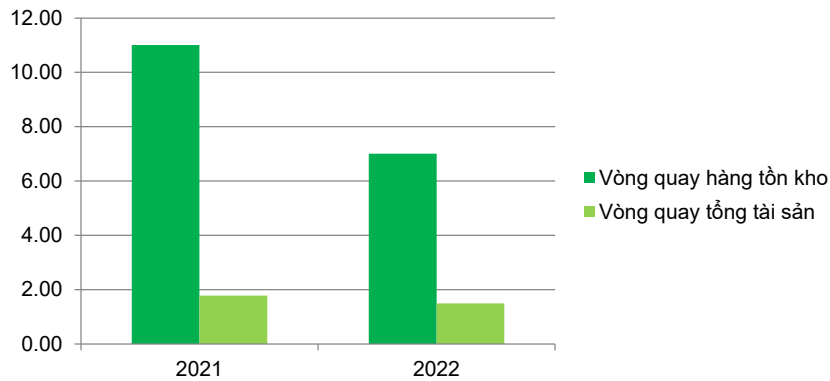
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty nhìn chung trong năm 2022 đã tăng lên so với năm 2021. Hai hệ số này tăng lên chủ yếu là do nợ ngắn hạn của Công ty đã tăng lên mức 1.131,1 tỷ đồng vào năm 2022 so với mức 704,2 tỷ đồng ở năm 2021. Trong đó, đáng chú ý nhất là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và phải trả người bán ngắn hạn của Công ty tăng lên. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty ở năm 2022 là 518,4 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 139,81% so với năm 2021, nguyên nhân là Công ty cần tiền để hỗ trợ thanh khoản, phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư, nguồn tiền này được vay từ các ngân hàng thương mại với lãi suất dao động từ 4,85% đến 7,60%. Đối với phải trả người bán ngắn hạn, giá trị của mục này đã tăng từ mức 305,3 tỷ đồng vào năm 2021 lên mức 532,6 tỷ đồng vào năm 2022, do Công ty còn tồn đọng các đơn hàng chưa được hoàn thiện và giao cho các đối tác mua hàng trong năm 2022. Trong năm 2021 và năm 2022, Công ty không phát sinh nợ dài hạn.

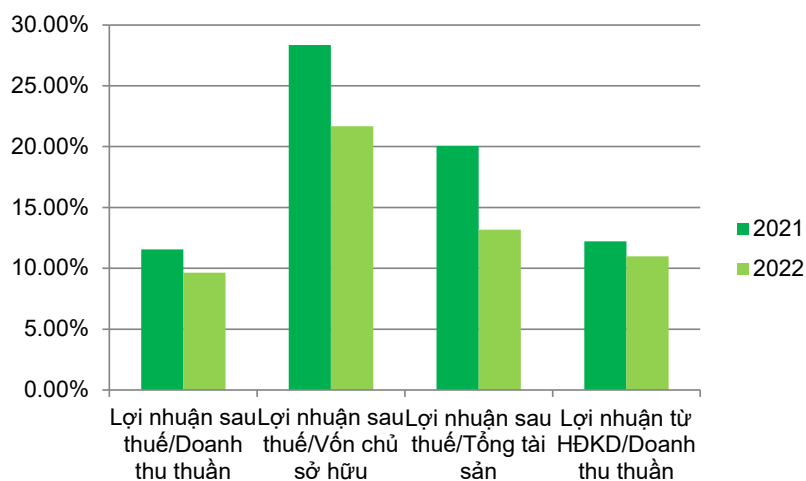


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã giảm từ mức 11,03 vòng vào năm 2021 xuống còn 7,03 vòng vào năm 2022. Nguyên nhân là do hàng tồn kho của Công ty đã tăng lên từ mức 320 tỷ vào năm 2021 lên mức 628,7 tỷ vào năm 2022. Vòng quay tổng tài sản của Công ty giảm về mức 1,49 vòng ở năm 2022 từ mức 1,78 vòng vào năm 2021, hệ số này giảm chủ yếu là do tổng tài sản của Công ty đã tăng lên và một phần nhỏ đến từ doanh thu thuần của Công ty đã giảm 222,8 tỷ đồng ở năm 2022 khi so với năm 2021.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2022 đã giảm so với năm 2021. Các hệ số này giảm là do lợi nhuận sau thuế của Công ty đã giảm từ mức 481,3 tỷ đồng vào năm 2021 xuống mức 378,2 tỷ đồng vào năm 2022. Nguyên nhân là do giá bán sản phẩm của Công ty giảm và Công ty không còn hưởng ưu đãi về thuế do dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 đã hết thời hạn miễn thuế.

Cơ cấu cổ đông,thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tính tại ngày: 31/12/2022

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 69.994.423 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 69.994.423 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phiếu



Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	KWE Beteiligungen AG	10.335.207	14,77%
2	Nguyễn Thanh Nghĩa	6.683.583	9,55%
3	Lê Bá Phương	6.100.009	8,71%
4	Nguyễn Thị Thủy	4.774.999	6,82%
5	Lương Văn Thành	3.996.450	5,67%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đồng)
2017	344.597.690.000
2018	413.515.490.000
2019	559.957.830.000
2020	559.957.830.000
2021	699.944.230.000
2022	699.944.230.000
Tháng 01 năm 2023	804.930.480.000 (Đã tăng vốn điều lệ bằng phương án trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu, số chứng khoán này được niêm yết và lưu ký trong tháng 01 năm 2023)

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày: 31/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	31.860.248	318.602.480.000	45,52%
1	Trong nước	21.525.041	215.250.410.000	30,75%
2	Nước ngoài	10.335.207	103.352.070.000	14,77%
III	Cổ đông khác	38.134.175	381.341.750.000	54,48%
1	Trong nước	24.781.301	247.813.010.000	35,40%
2	Nước ngoài	13.352.874	133.528.740.000	19,08%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		69.994.423	699.944.230.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh trong năm 2022.

Các chứng khoán khác

Không phát sinh trong năm 2022.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động đến môi trường

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy, các nhà máy thuộc Công ty không tránh khỏi việc phát thải ra môi trường trong quá trình sản xuất.

Chính vì thế, vấn đề rác và chất thải trong quá trình hoạt động cũng được Công ty đặc biệt lưu tâm. Công ty đã ký kết các hợp đồng xử lý rác và chất thải với bên thứ ba chuyên xử lý những rác thải sinh hoạt như Công ty Cổ Phần Công Trình Đô Thị Bến Tre, đơn vị thu gom rác thải nguy hại như Công ty TNHH Môi trường Chân Lý,... Đồng thời, Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế là 4.900 m³/ngày và đêm. Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy sử dụng trang thiết bị hiện đại và đồng bộ với công nghệ xử lý nước thải khép kín giúp xử lý nước thải được hiệu quả, tái sử dụng một phần nước thải đã xử lý vào quy trình sản xuất.

Công ty còn định kỳ báo cáo đầy đủ với cơ quan quản lý về vấn đề môi trường theo đúng quy định.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu sản xuất giấy chính của Công ty là các loại giấy phế liệu. Đây là loại giấy thùng carton cũ đã qua sử dụng được nhập khẩu từ Châu Âu, Nhật Bản, Mỹ,... hoặc thu gom trong nước. Có thể nói rằng Công ty đã tận dụng và tái chế lại các rác thải đã qua sử dụng, qua đó không chỉ tạo ra cơ hội kinh doanh mà còn góp phần làm cho thế giới giảm lượng phát thải ra ngoài môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Nguồn điện và hơi của Công ty hiện tại đang được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công song song với việc sử dụng điện từ Công ty Điện lực Châu Thành Bến Tre. Tùy theo nhu cầu sản xuất giấy khác nhau mà lò hơi sẽ sử dụng mức công suất riêng biệt, giúp Công ty luôn sử dụng hiệu quả các loại năng lượng. Ngoài ra, Công ty cũng tích cực tuyên truyền mọi người trong hoạt động sử dụng tiết kiệm điện nhằm tránh tiêu thụ lãng phí, không mang lại hiệu quả sử dụng cao.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Tiêu thụ nước

Nước cũng là một trong những yếu tố lớn để giúp cho Công ty hoạt động trong quá trình sản xuất kinh doanh nói riêng và toàn ngành sản xuất giấy nói chung. Công ty luôn luôn bảo đảm quá trình tái chế, xử lý nước thải đúng với quy định của Chính phủ. Bên cạnh đó Công ty đã chủ động kiểm tra hệ thống nước thường xuyên nhằm khắc phục tình trạng rò rỉ nước, qua đó hạn chế được nguồn nước thất thoát.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2022, Công ty đã thể hiện trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương thông qua các hoạt động từ thiện, tài trợ, hỗ trợ các gia đình và tổ chức gặp khó khăn. Công ty đã sử dụng nguồn lao động có sẵn tại địa phương, một phần giúp Công ty giảm được chi phí lao động và một phần quan trọng nhất là tạo được công ăn việc làm cho họ. Công ty đã tham gia nhiều hoạt động từ thiện, xã hội như tặng quà cho các hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán, Tết trung thu, hỗ trợ chi phí làm đường đi cho người dân, tích cực tài trợ kinh phí tổ chức các hoạt động và Lễ kỉ niệm 200 năm Ngày sinh Danh nhân Nguyễn Đình Chiểu,... Ngoài ra, Công ty cũng đã phối hợp với các cơ quan địa phương để tổ chức các hoạt động đoàn hội, thể thao.

Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ tốt pháp luật bảo vệ môi trường. Ngoài tuân thủ tốt, Công ty còn đầu tư hệ thống xử lý nước thải và đảm bảo vận hành liên tục nhằm đảm bảo môi trường sống, cảnh quan xung quanh. Định kỳ Công ty cũng phối hợp với các cơ quan chức năng để lấy mẫu xử lý nước thải nhằm có thể kiểm tra, đánh giá và xử lý kịp thời nếu có trường hợp không mong muốn xảy ra.





03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khó khăn

Năm 2022 vừa qua, Công ty đã đối mặt với tình trạng dịch bệnh trên khắp cả nước vào những tháng đầu năm, gây khó khăn không chỉ cho người lao động mà còn gây ảnh hưởng xấu đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các vấn đề liên quan đến tỷ giá, lãi suất và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao làm cho tình hình hoạt động của Công ty càng thêm khó khăn. Thêm vào đó là giá nguyên vật liệu cũng diễn biến tăng, giảm thất thường, gây ra khó khăn trong việc dự báo và phòng tránh rủi ro liên quan đến chi phí. Giá xăng dầu tăng làm chi phí vận chuyển tăng cao. Lãi suất ngân hàng tăng cao, tỷ giá đồng Đô-la tăng làm nhiều khoản phải trả của Công ty tăng. Giá nguyên liệu biến động liên tục, giá than vẫn ở mức cao dẫn đến giá hơi vẫn còn cao. Một số nhà máy giấy phải ngưng máy hoặc giảm ca để sản xuất cầm chừng, hàng tồn kho tăng cao.



Những tiến bộ đã đạt được

Năm 2022, Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như dịch bệnh, chiến tranh, lạm phát,...tuy nhiên vẫn cố gắng đạt được một số kế hoạch đề ra. Công ty xuất sắc được vinh danh là Doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia năm 2022; Doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Bến Tre năm 2022; Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất; Top 200 công ty niêm yết có doanh thu dưới tỉ đô tốt nhất châu Á – Thái Bình Dương; Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam

Thuận lợi

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2022, Công ty cũng có một vài yếu tố thuận lợi để giúp Công ty tìm kiếm cơ hội trong giai đoạn khó khăn của năm vừa qua. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trong giai đầu năm, nhưng sau đó đã được kiểm soát tốt và Chính phủ cũng đã bắt đầu mở cửa nền kinh tế, giúp cho Công ty có thể hoạt động thuận tiện hơn. Thêm vào đó là giai đoạn cuối năm 2022, Trung Quốc đã dần loại bỏ chính sách Zero - Covid, từ đó khiến cho hoạt động sản xuất và thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc dần được khôi phục, khiến cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được cải thiện. Ngoài ra, với sự phát triển của ngành thương mại điện tử trong giai đoạn nay cũng là một thuận lợi lớn cho Công ty.



Đánh giá các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty và Kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới

Sản xuất giấy: Sản xuất 2 dòng sản phẩm Medium và Testliner, sản lượng sản xuất và tiêu thụ ổn định.

Sản xuất bao bì: Sản xuất thùng, giấy carton thân thiện với môi trường, mặt hàng này phụ thuộc nhiều vào khách hàng sản xuất thủy sản, chế biến từ dừa, rau quả trái cây, thiết bị may mặc điện tử nên sản lượng không ổn định khi các ngành hàng này chịu ảnh hưởng xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc.

Kế hoạch phát triển: Hiện nay các nhà máy đã hoạt động hết công suất, Công ty đang và sẽ triển khai xây dựng nhà máy mới để sản xuất các sản phẩm mới mang lại giá trị cao hoặc tăng sản lượng dòng sản phẩm cũ tùy theo nhu cầu khách hàng. Cụ thể, công ty sẽ tập trung đầu tư dự án Nhà máy giấy Giao Long 3 – Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	1.170,5	48,74%	1.662,8	57,69%	142,06%
Tài sản dài hạn	1.230,8	51,26%	1.219,7	42,31%	99,10%
Tổng tài sản	2.401,3	100,00%	2.882,5	100,00%	120,04%

Tổng tài sản của Công ty đã tăng lên mức 2.882,5 tỷ đồng vào năm 2022, tương ứng với mức tăng 120,04%. Động lực tăng của tổng tài sản chủ yếu đến từ sự tăng lên của tài sản ngắn hạn. Nguyên nhân là do Công ty tận dụng giai đoạn giảm giá của nguyên vật liệu đầu vào để thu mua với giá thấp, nhằm phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh về sau. Tài sản dài hạn của Công ty không có nhiều thay đổi về mặt giá trị.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Tỷ trọng 2021	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	% 2022/2021
Nợ ngắn hạn	704,2	100%	1.131,1	100%	160,62%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	704,2	100%	1.131,1	100%	160,62%

Nợ ngắn hạn của Công ty trong năm 2022 đã tăng 160,62% so với năm 2021. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do Công ty cần tiền để hỗ trợ thanh khoản, phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư trong ngắn hạn, do đó Công ty đã vay từ các ngân hàng thương mại với lãi suất dao động từ 4,85% đến 7,6%. Công ty không phát sinh nợ dài hạn trong năm 2021 và năm 2022.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Quản trị tài chính – Kế toán

Sử dụng phần mềm kế toán Southsoft, kết nối dữ liệu với các bộ phận sản xuất, kinh doanh, nhân sự. Liên tục nâng cấp, tùy chỉnh phần mềm phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Quản trị quan hệ khách hàng

Mỗi nhân viên bán hàng phụ trách một nhóm khách hàng của riêng mình, để theo dõi chăm sóc khách hàng được tốt nhất.

Quản trị nhân sự

Cập nhật, theo dõi nhân sự theo Danh sách nhân sự, sổ nhật ký người lao động bằng các chương trình hiện đại để cập nhật nhanh, kịp thời khi có thay đổi xảy ra.

Quản trị quan hệ chất lượng

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Quy trình theo Sơ đồ kiểm soát quá trình sản xuất và kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm Giấy công nghiệp, Giấy carton, Thùng carton.
- Hiệu quả: Sản phẩm đạt chất lượng khách hàng yêu cầu, không bị phản hồi khách hàng.
- Kế hoạch cải tiến: thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị để sản phẩm đạt chất lượng như yêu cầu.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH2023/TH2022
1	Vốn chủ sở hữu	699,9	-	-
2	Doanh thu	3.934,7	3.240(*)	82,34%
3	Lợi nhuận trước thuế	437,2	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	379,5	300	79,05%

(*) Trong đó, doanh thu dự kiến trong năm 2023 từ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre sẽ là 3.000 tỷ đồng và Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre sẽ là 240 tỷ đồng.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với những kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc đánh giá các công tác xử lý chất phát thải được xử lý đúng với chủ trương của Công ty. Chúng tôi thấy Công ty giữ được cảnh quan xanh, sạch, đẹp tại khuôn viên các nhà máy và các khu vực lân cận, không để việc hoạt động kinh doanh ảnh hưởng đến đời sống của người dân. Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng môi trường ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Hệ Thống xử lý nước thải của Công ty hoạt động tốt, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của Công ty và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Theo đánh giá chung, Ban Tổng Giám đốc chúng tôi đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường được thực hiện tốt.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình, tổ chức gặp khó khăn đã không chỉ thể hiện một hình ảnh tốt đẹp của chính Công ty mà còn san sẻ những khó khăn cho họ.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi thấy rằng các hoạt động liên quan đến chính sách đối với người lao động là tốt. Công ty đã tạo điều kiện làm việc an toàn, môi trường lành mạnh cho các công nhân viên và người lao động. Chúng tôi đánh giá các hoạt động về tuyển dụng của Công ty đáp ứng đầy đủ các yếu tố đầu vào và các hoạt động liên quan đến đào tạo, bổ sung kiến thức cho người lao động là kịp thời và chu đáo. Ngoài ra các vấn đề liên quan đến quyền lợi như lương, thưởng, đãi ngộ, chính sách lao động, bảo hiểm y tế,... cũng được chúng tôi đánh giá cao.





04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022 vừa qua, mặc dù trải qua nhiều khó khăn nhưng Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã làm tốt trong công tác sản xuất kinh doanh. Công ty đã đảm bảo được kế hoạch sản xuất và an toàn của người lao động trong và sau giai đoạn dịch bệnh. Công ty đã đưa ra các kế hoạch quản lý, sản xuất và dự báo một cách phù hợp và linh hoạt. Chính sách người lao động được Công ty thực hiện tốt, đảm bảo được quyền lợi cho tất cả người lao động tại Công ty. Công ty đã tổ chức thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với chủ trương của Công ty và phù hợp với quy định của Chính phủ. Các vấn đề liên quan trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương cũng được chúng tôi đánh giá cao, mang lại hình ảnh đẹp cho Công ty. Trong hoạt động quản lý và điều hành, Hội đồng quản trị chúng tôi đã phối hợp nhịp nhàng với Ban Tổng Giám đốc cũng như Ban kiểm soát để đưa ra chiến lược kinh doanh và quản trị đúng đắn. Công tác trong việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông cũng như các sự kiện khác cũng được chúng tôi đánh giá là tốt.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của Công ty và các cổ đông Công ty.

Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Hội đồng quản trị đã đề ra.

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo hướng chặt chẽ hơn, nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên.

Hội đồng quản trị tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị chúng tôi đánh giá rằng Ban Tổng Giám đốc chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã được đề ra. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, những khó khăn từ thị trường trong nước và quốc tế đã gây tác động xấu cho tình hình hoạt động của Công ty, do đó các những nỗ lực hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và tập thể người lao động trong giai đoạn vừa qua chúng tôi xin ghi nhận. Ngoài ra, các hoạt động liên quan đến tiêu thụ năng lượng, chính sách người lao động, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội đều được Ban Tổng Giám đốc làm tốt.

Những mặt làm được

Thực hiện vai trò giám sát, Hội đồng quản trị xác định Công ty thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp các quan điểm chủ trương của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực hoạt động.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ điều hành chấp hành tốt pháp luật, điều lệ, các nghị quyết, các quy chế quản trị...trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và tài sản, phát triển thị trường,... Ban Tổng Giám đốc nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết công việc được giao, nhiều nỗ lực cố gắng vượt qua giai đoạn khó khăn.

Trong năm, Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm điều hành, báo cáo, công bố thông tin về các hoạt động của Công ty một cách minh bạch, đầy đủ.

Những mặt chưa làm được & nguyên nhân

Sản lượng và doanh thu của Nhà máy Bao Bì năm 2022 không đạt kế hoạch đề ra. Do ảnh hưởng chính sách Zero - Covid của Trung Quốc, các ngành hàng sử dụng bao bì không xuất khẩu được, dẫn đến không sản xuất, tiêu thụ được bao bì carton.

Đồng thời, do tháng 04/2022 Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre đi vào hoạt động chính thức, Công ty đã chuyển một số khách hàng qua Công ty Bao Bì Bến Tre để công ty mới tập trung chăm sóc, phát triển.



05

Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

**Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Công tác giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động điều hành của ban Tổng giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. Hội đồng quản trị tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty đối với các hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc, giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Năm 2022 các mặt hoạt động của Công ty được duy trì phát triển ổn định.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lương Văn Thành	18	18/18	-
2	Ông Lê Bá Phương	18	18/18	-
3	Ông Lê Quang Hiệp	6	6/18	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 17/06/2022
4	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	18	18/18	-
5	Ông Marco Martinelli	18	18/18	-
6	Ông Dương Thành Công	12	12/18	Được bổ nhiệm vào ngày 17/06/2022



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	21/01/2022	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4/2021 và mục tiêu kế hoạch Quý 1 năm 2022.
02	02/NQ-HĐQT	21/01/2022	Thông nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Tân Cảng Giao Long.
03	03/NQ-HĐQT	21/01/2022	Thông nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre
04	04/NQ-HĐQT	21/01/2022	Thông nhất phê duyệt Tờ trình 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2022 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2022.
05	05/NQ-HĐQT	21/01/2022	- Thông nhất phê duyệt danh sách chi thưởng Ban điều hành Công ty. - Thông nhất phê duyệt danh sách chi thưởng Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát.
06	06/NQ-HĐQT	18/02/2022	Thông nhất vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM.
07	07/NQ-HĐQT	18/02/2022	Thông nhất vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
08	08/NQ-HĐQT	18/02/2022	Thông nhất vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.
09	09/NQ-HĐQT	17/03/2022	Thông qua việc triển khai góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bao Bì Đông Hải.
10	10/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2022 và mục tiêu kế hoạch quý 2/2022.
11	11/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2022 chậm nhất là ngày 30/06/2022.
12	12/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
13	13/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 02 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông.
14	14/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2022-2023 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.
15	15/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông nhất về hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam
16	16/NQ-HĐQT	22/04/2022	Thông nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
17	16/NQ-HĐQT	25/05/2022	Thông nhất điều chỉnh phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao Bì Đông Hải để triển khai đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất giấy.

Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
18	17/NQ-HĐQT	25/05/2022	Thông nhất điều chỉnh thời gian chi tạm ứng cổ tức đợt 02 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông
19	17/NQ-HĐQT	16/06/2022	Thông nhất thời gian góp vốn đợt 01 vào Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Hải.
20	18/NQ-HĐQT	16/06/2022	Thông nhất về việc thay đổi, bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
21	19/NQ-HĐQT	16/06/2022	Thông nhất phê duyệt Tờ trình 02/TT-HĐQT ngày 06/06/2022 về đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/07/2022.
22	20/NQ-HĐQT	17/06/2022	Thông nhất bầu ông Lương Văn Thành giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Lê Bá Phương giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2026.
23	21/NQ-HĐQT	17/06/2022	Thông nhất tái bổ nhiệm ông Lê Bá Phương giữ chức vụ Tổng Giám đốc, ông Lương Văn Thành, bà Hồ Thị Song Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, bà Lê Thị Hoàng Huệ giữ chức vụ Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2022 - 2026.
24	22/NQ-HĐQT	17/06/2022	Thông nhất chi cổ tức đợt 03 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông.
25	23/NQ-HĐQT	24/06/2022	Thông nhất thông qua chủ trương tiếp tục thực hiện hợp đồng số 12_DHC_THANHCONG2018 giữa Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre với Công ty Cổ Phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công Tổ chức có liên quan người nội bộ Dương Thành Công.
26	24/NQ-HĐQT	24/06/2022	Thông nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
27	25/NQ-HĐQT	29/06/2022	Thông nhất giải thể Công ty Cổ Phần Bao Bì Đông Hải.
28	26/NQ-HĐQT	06/07/2022	Thông qua Hạn mức tín dụng/cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
29	27/NQ-HĐQT	06/07/2022	Thông qua Hạn mức tín dụng/cấp tín dụng của Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
30	28/NQ-HĐQT	15/07/2022	Thông qua việc triển khai góp vốn thành lập Công ty Cổ Phần Giấy Giao Long
31	29/NQ-HĐQT	28/07/2022	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 02/2022 và mục tiêu kế hoạch quý 03/2022.
32	30/NQ-HĐQT	28/07/2022	Thông nhất điều chỉnh thời gian chi cổ tức đợt 03 năm 2021 bằng tiền cho cổ đông.
33	31/NQ-HĐQT	12/10/2022	Thông qua việc triển khai góp vốn của Công ty Cổ Phần Giấy Giao Long.

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
34	32/NQ-HĐQT	12/10/2022	Thông qua việc tạm hoãn chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ("ESOP") đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
35	33/NQ-HĐQT	12/10/2022	Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2022.
36	34/NQ-HĐQT	26/10/2022	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 03/2022 và mục tiêu kế hoạch quý 04/2022.
37	35/NQ-HĐQT	26/10/2022	Thông nhất việc vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.
38	36/NQ-HĐQT	26/10/2022	Thông nhất thành lập Ban Kiểm Toán Nội Bộ trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty từ 01/11/2022.
39	37/NQ-HĐQT	26/10/2022	Thông nhất chi cổ tức đợt cuối năm 2021 bằng tiền cho cổ đông.
40	38/NQ-HĐQT	26/10/2022	Thông nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.
41	39/NQ-HĐQT	11/11/2022	Thông nhất điều chỉnh thời gian chi cổ tức đợt cuối năm 2021 và thời gian chi tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.
42	40/NQ-HĐQT	15/11/2022	Thông nhất điều chỉnh người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp vào Công ty Cổ Phần Giấy Giao Long và cử nhân sự giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
43	41/NQ-HĐQT	01/12/2022	Thông nhất thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu.
44	42/NQ-HĐQT	01/12/2022	Thông nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 02 năm 2022 bằng tiền cho cổ đông.
45	43/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.
46	44/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông nhất Thông qua chủ trương ký hợp đồng với Công ty Cổ Phần Tân Cảng Giao Long.
47	45/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông nhất thông qua chủ trương tiếp tục thực hiện hợp đồng số 12_DHC_THANHCONG2018 giữa Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre với Công ty CP Dịch vụ Năng Lượng Thành Công
48	46/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông nhất miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Lê Thị Hoàng Huệ từ ngày 01/01/2023.
49	47/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông nhất bổ nhiệm bà Nguyễn Hồng Thanh là Quyền kế toán trưởng Công ty từ ngày 01/01/2023.
50	48/NQ-HĐQT	30/12/2022	Thông nhất thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/01/2023.



Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	4	4/4	-
2	Bà Đoàn Hồng Lan	4	4/4	-
3	Ông Lê Hoàng Phong	2	2/4	Kết thúc nhiệm kỳ ngày 17/06/2022
4	Ông Nguyễn Quốc Bình	2	2/4	Được bổ nhiệm vào ngày 17/06/2022

Năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp chính thức để giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kế hoạch làm việc kiểm kê 06 tháng đầu năm, 06 tháng cuối năm, kiểm kê tài sản cố định.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong năm 2022, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng, năm của Công ty; Báo cáo Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam xem xét ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn của doanh nghiệp khi Trung Quốc đóng cửa do áp dụng chính sách Zero Covid, xung đột Nga - Ukraina. Vượt lên tất cả khó khăn, thử thách, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã đạt được một số thành tích nhất định. Trong đó, doanh thu đạt 101,07% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 84,04% so với kế hoạch năm.

Hoạt động của Ban kiểm soát (tiếp theo)

Kết quả hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban quản lý Công ty trong năm 2022

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo đúng quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức 18 cuộc họp và ban hành 48 nghị quyết.

Hội đồng quản trị thực hiện chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) cùng Ban quản lý Công ty đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Về công tác tổ chức nhân sự: Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo tiến hành sắp xếp, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân sự phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại Công ty.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2022

Thường xuyên trao đổi với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh, tình hình về biến động và tuyển dụng nhân sự quản lý.

Tham gia kiểm kê định kỳ tồn kho 06 tháng đầu năm, 06 tháng cuối năm, kiểm kê tài sản cố định.

Kiểm tra ghi chép hạch toán kế toán; Kiểm tra sổ sách, báo cáo tài chính; Kiểm tra chi phí hoạt động và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022. Rà soát báo cáo kiểm toán soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2022.

Các khuyến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật, đúng định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã lãnh đạo toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty nỗ lực không ngừng khắc phục khó khăn mang lại giá trị phát triển bền vững cho Công ty.

Kiến nghị và phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát đối với năm 2023

Kiến nghị: Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban Công ty nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, giảm thiểu sai sót, nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong sản xuất kinh doanh.

Phương hướng hoạt động:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị: Đồng

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	1.571.018.234
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc	1.902.845.635
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	249.000.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	249.000.000
Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	24.500.000
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	224.500.000
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban kiểm soát	87.000.000
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên Ban kiểm soát	216.317.797
Ông Lê Hoàng Phong (**)	Thành viên Ban kiểm soát	55.500.000
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Ban kiểm soát	10.500.000
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	1.232.184.693
Bà Lê Thị Hoàng Huệ (***)	Kế Toán Trưởng	973.574.021
Bà Nguyễn Hồng Thanh	Quyền Kế toán trưởng	260.487.868

(*) Do năm 2022 không đạt kế hoạch kinh doanh đề ra nên không chi thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành.

(**) Ông Lê Hoàng Phong đã hết nhiệm kỳ làm Thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 17/06/2022.

(***) Bà Lê Thị Hoàng Huệ đã được miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng từ ngày 01/01/2023.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Người thực hiện	Chức vụ	Sở hữu đầu kỳ		Sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Ông Lương Văn Thành	CT.HĐQT/Phó TGD	6.679.800	9,54%	3.966.450	5,67%	Bán/mua
Ông Lê Bá Phương	PCT.HĐQT/TGD	27.070	0,13%	19.110	0,07%	Bán
Bà Nguyễn Thị Thủy	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	4.574.999	6,54%	4.774.999	6,82%	Mua

Người thực hiện	Chức vụ	Số hữu đầu kỳ		Số hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	TV.HĐQT	3.723.758	5,32%	6.689.083	9,56%	Mua
Ông Dương Thành Công	TV.HĐQT	93.100	0,13%	395.000	0,56%	Mua
Ông Dương Thanh Sang	Người có liên quan của Ông Dương Thành Công	627.000	0,89%	670.000	0,95%	Mua
Bà Đoàn Hồng Lan	TV.BKS	75	0%	400	0%	Mua
Ông Lê Minh Thanh	Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan	21.750	0,03%	24.750	0,04%	Mua
Ông Nguyễn Quốc Bình	TV.BKS	373.068	0,53%	701.868	1%	Mua
Bà Ngô Thị Thu Hòe	Người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Bình	-	-	99.000	0,14%	Mua
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó TGD	248.010	0,35%	440.010	0,63%	Mua
Bà Hồ Phương Hải	Người có liên quan của bà Hồ Thị Song Ngọc	3.500	0,005%	13.800	0,02%	Mua
Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương	Trưởng Ban kiểm toán nội bộ	-	-	1.700	0%	Mua
Ông Nguyễn Trường Thịnh	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Ngọc Sương	42.550	0,06%	41.450	0,06%	Mua/bán
Bà Bùi Thị Ngọc Diễm	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	4.875	0,01%	5.075	0,01%	Mua
Nguyễn Ngọc Tố Uyên	Người phụ trách quản trị	23.050	0,03%	20.350	0,02%	Mua/bán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Đơn vị: Đồng

STT	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công			
1	Mua hơi	311.844.466.141	23/NQ-HĐQT
Công ty Cổ phần giấy Giao Long			
1	Góp vốn	97.000.000.000	28/NQ-HĐQT 31/NQ-HĐQT
Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre			
1	Bán giấy cuộn	70.197.410.806	03/NQ-HĐQT
2	Mua giấy vụn + ống lõi	7.053.340.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long			
1	Mua dịch vụ	24.032.568.950	02/NQ-HĐQT
2	Phí thuê bãi	2.193.750.000	

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty và hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác và kịp thời.

Các vấn đề liên quan khác

Công ty đã triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 (Tỷ lệ 15%) cho cổ đông và nhận được Công văn chấp thuận số 7777/UBCK-QLCB ngày 24/11/2022 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của DHC, Công văn 8695/UBCK-QLCB ngày 30/12/2022 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của DHC. Hiện Công ty đã hoàn thành các thủ tục đăng ký, lưu ký và niêm yết cổ phiếu bổ sung với Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh và Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.



SIMPLE MONTHLY BUDGET

MONTHLY INCOME

Item

Amount

\$2 300.00

\$1 000.00

\$250.00

PERCENT

SUMMA

Total Mo

\$3 75

EXPENSES

Amount

\$800.00

\$1

\$45.00

\$500.00

\$273.00

\$120.00

\$50.00

\$100.00

\$78.00

\$50.00



06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN được chỉnh lần thứ 19 ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Gáo Long Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau.

Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Phương	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên	
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Marco Martinelli	Thành viên	
Ông Dương Thành Công	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau

Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên	miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm

Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



building a better
working world

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
ĐƯỜNG SỐ 1, THỊNH PHƯỚC, QUẬN THẠCH
KHUÊ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐỀ NGHỊ CHẤM DỨT HỢP NHẤT
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Số tham chiếu: 12120347022680393-FM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33. Báo gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2023-004-1



Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5559-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.662.756.369.635	1.170.473.262.002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	189.178.341.116	98.169.465.231
111	1 Tiền		134.178.341.116	58.169.465.231
112	2 Các khoản lương tương đương tiền		55.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		19.102.085.696	44.057.024.062
123	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.102.085.696	44.057.024.062
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		781.714.955.602	666.640.320.157
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	678.802.032.553	662.711.851.543
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	108.420.295.690	11.196.202.003
136	3 Phải thu ngắn hạn khác		2.119.331.542	266.410.498
137	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(7.627.264.183)	(7.534.234.787)
140	IV. Hàng tồn kho		628.715.196.607	319.899.570.440
141	1 Hàng tồn kho	8	628.715.196.607	319.899.570.440
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		44.045.790.614	41.706.882.112
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	9	13.378.897.647	4.346.622.483
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		30.666.892.967	37.358.259.629
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.219.726.803.729	1.230.793.805.534
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.276.430.000	2.870.638.109
211	1 Phải thu dài hạn của khách hàng	6	7.276.430.000	2.870.638.109
220	II. Tài sản cố định		1.138.189.089.171	1.051.534.780.585
221	1 Tài sản cố định hữu hình	10	1.137.830.233.701	1.051.206.736.310
222	Nguyên giá		1.698.338.607.785	1.513.724.218.635
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(560.508.374.084)	(462.517.482.325)
227	2 Tài sản cố định vô hình	11	358.835.470	328.044.275
228	Nguyên giá		1.044.334.250	894.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(685.498.780)	(566.289.975)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		44.753.101.628	155.573.306.941
242	1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	44.753.101.628	155.573.306.941
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		5.296.159.450	4.966.796.824
252	1 Đầu tư vào công ty liên kết	13	5.296.159.450	4.966.796.824
260	V. Tài sản dài hạn khác		24.212.043.480	15.848.283.075
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	9	23.577.973.496	15.737.906.752
262	2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	2 / 3	634.069.984	110.376.323
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.882.483.173.364	2.401.267.067.536

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.131.127.570.739	704.171.341.216
310	I. Nợ ngắn hạn		1.131.127.570.739	704.171.341.216
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	532.623.989.424	305.301.684.878
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	27.284.420.722	821.102.852
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	16.478.940.206	1.865.398.942
314	4. Phải trả người lao động		19.943.412.966	20.775.298.271
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	8.350.042.877	975.359.409
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	109.090.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.528.423.461	3.340.293.983
320	8. Vay ngắn hạn	19	518.363.300.196	370.769.353.807
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.445.949.978	213.758.165
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.751.355.602.625	1.697.095.726.320
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.751.355.602.625	1.697.095.726.320
411	1. Vốn cổ phần		699.944.230.000	699.944.230.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		699.944.230.000	699.944.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		82.904.331.993	58.837.320.462
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		730.259.104.829	703.066.240.055
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		455.792.154.911	249.723.900.940
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		274.466.949.918	453.342.339.115
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		3.000.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.882.483.173.364	2.401.267.067.536



Phan Thị Trúc Ly
Người lập



Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	3.935.865.493.523	4.164.826.385.369
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(1.138.734.067)	(495.850.816)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng	21.1	3.934.726.759.456	4.164.330.534.553
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(3.323.855.691.165)	(3.491.679.314.664)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		610.871.068.291	672.651.219.889
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	20.631.569.074	14.732.993.119
22	7. Chi phí tài chính	23	(42.009.199.350)	(17.141.484.680)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(19.111.142.447)	(15.763.593.086)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	13	329.362.626	435.165.538
25	9. Chi phí bán hàng	24	(119.423.890.402)	(120.440.937.631)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(38.049.892.173)	(41.692.957.953)
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		432.349.018.066	508.543.998.282
31	12. Thu nhập khác	25	5.480.525.221	3.119.005.663
32	13. Chi phí khác	25	(670.686.768)	(98.721.417)
40	14. Lợi nhuận khác		4.809.838.453	3.020.284.246
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		437.158.856.519	511.564.282.528
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(58.223.965.763)	(30.334.428.236)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	523.693.661	110.376.323
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		379.458.584.417	481.340.230.615
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		379.458.584.417	481.340.230.615
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	4.620	5.860
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	4.620	5.860

Phan Thị Trúc Ly
Người lập

Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Tuyệt minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		437.158.856.519	511.564.282.528
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	101.042.171.871	102.514.672.239
03	Dự phòng		93.029.396	370.512.540
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.037.979.746)	27.138.380
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.160.729.487)	(2.562.151.726)
06	Chi phí lãi vay	23	19.111.142.447	15.763.533.086
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		544.186.491.000	627.678.017.047
09	Tăng các khoản phải thu		(112.949.332.670)	(133.736.961.531)
10	Tăng hàng tồn kho		(308.815.828.167)	(5.238.817.735)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		267.577.756.199	(115.413.249.850)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(16.870.341.908)	6.690.900.193
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.296.105.682)	(15.268.751.201)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(45.661.468.684)	(36.393.881.601)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.394.612.799)	(10.987.713.593)
20	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		303.776.759.289	317.329.241.639
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(76.953.443.009)	(155.963.621.110)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		217.893.926	122.921.815
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(5.045.051.634)	(35.034.250.796)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn		30.000.000.000	-
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, ngân hàng		3.530.384.415	2.034.213.730
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(48.250.226.302)	(188.840.736.358)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát		3.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	19	1.707.086.481.801	1.903.739.646.269
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(1.650.392.555.412)	(2.058.152.047.584)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(314.974.803.500)	(167.987.249.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(164.380.957.111)	(232.399.750.315)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		91.145.575.876	(103.911.245.034)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		98.169.465.231	202.090.986.015
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(136.699.991)	(10.275.750)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	189.178.341.116	98.169.465.231



Phan Thị Trúc Ly
Người lập



Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358200 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 18 ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 58/QĐ-SGDCKHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lũy AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 742 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 532).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Loại vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ nắm quyền	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
			(%)	(%)
Công ty con				
(1) Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Bến Tre ("Bao Bì Bến Tre")	Sản xuất và kinh doanh bao bì carton	Đang hoạt động	100,00	100,00
(2) Công ty Cổ phần Giấy Giao Long	Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy và bìa	Trước hoạt động	97,00	-
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long ("Tân Cảng Giao Long")	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển	Đang hoạt động	26,00	26,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 166/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữ các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lợi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được tính bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện bán ra và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới lại sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm và xây dựng tài sản nhưng chưa được đưa vào sử dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau năm 2003. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước không được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong năm theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi (thế thương mại) phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi (thế thương mại) này mà hóng năm thực hiện đánh giá xem lợi (thế thương mại) có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng chi việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được nhưng chưa thanh toán hoặc chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán, và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phải sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội: Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

1- Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chi tiêu dài hạn của Nhóm Công ty.

1- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích đóng góp vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

1- Cổ tức

Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được Hội đồng Quản trị Công ty tiến hành thực hiện.

Cổ tức công bố bằng cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất khi Nhóm Công ty hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở đầu tích (có liên đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TUYÊN MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nếu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa bao bì từ giấy và nhựa. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lợi của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	VNĐ Số đầu năm
Tiền mặt và quỹ	122.183.900	181.025.153
Tiền gửi ngân hàng	134.056.157.216	57.988.440.068
Các khoản tương đương tiền (*)	55.000.000.000	40.000.000.000
TỔNG CỘNG	189.178.341.116	98.169.465.231

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi theo lãi suất từ 4,8 đến 5,5% mỗi năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn (*)	19.102.085.696	44.057.024.062

(*) Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc trên ba tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại, và hưởng lãi suất từ 4,5% đến 5,4% một năm

Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 19).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Box - Pak Việt Nam	192.806.399.305	133.873.584.119
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phúc Hảo	55.073.045.664	55.410.818.080
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất Nhập khẩu Quốc tế Hoàng Long	51.072.724.692	-
- Khác	379.850.432.832	473.427.448.444
TỔNG CỘNG	678.802.602.553	662.711.851.543
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.627.264.183)	(7.534.234.787)
GIÁ TRỊ THUẦN	671.175.338.370	655.177.616.756
Trong đó:		
Phải thu từ các bên khác	669.452.338.388	650.008.616.770
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	1.722.999.982	5.169.999.986
Dài hạn		
- Công ty TNHH T&V Coconut	4.301.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Văn Lãi Trục Lan Mỹ	2.974.930.000	947.146.000
- Khác	-	1.923.493.109
TỔNG CỘNG	7.276.430.000	2.870.639.109

(*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.534.234.787)	(7.163.722.247)
Dự phòng trích lập trong năm	(324.069.823)	(516.867.047)
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	231.040.427	146.354.507
Số cuối năm	(7.627.264.183)	(7.534.234.787)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sản Xuất và Đầu Tư Đức Long	45.325.367.977	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại		
Giấy Minh Long	18.736.163.240	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại		
Dịch vụ Mai Phước An	14.925.882.687	-
Khác	29.452.871.806	11.196.292.903
TỔNG CỘNG	108.420.285.690	11.196.292.903

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	324.350.665.623	202.649.321.434
Hàng mua đang đi đường	222.184.612.003	69.783.584.077
Thành phẩm	81.477.457.333	45.630.662.864
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	448.428.844	525.512.695
Công cụ, dụng cụ	254.032.804	310.485.370
TỔNG CỘNG	628.715.196.607	319.899.570.440

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	13.378.897.647	4.348.622.483
Công cụ, dụng cụ	6.894.638.461	1.689.100.720
Chi phí sửa chữa	4.855.120.683	472.516.663
Chi phí bảo hiểm	1.532.109.503	2.159.505.100
Khác	97.029.000	27.500.000
Dài hạn	23.577.973.496	15.737.906.752
Công cụ, dụng cụ	10.914.880.107	10.367.721.477
Tiền thuê đất	3.217.200.030	3.306.452.790
Khác	9.445.893.359	2.063.732.485
TỔNG CỘNG	36.956.871.143	20.086.529.235

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị vấn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.037.052.278.961	392.636.946.524	51.683.079.189	11.249.203.961	193.710.000	1.513.724.218.635
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	92.046.065.835	64.080.755.855	3.654.711.818	841.510.000	222.789.500	150.845.833.009
Mua sắm mới	3.814.980.444	10.370.733.710	12.182.046.262	413.054.886	-	26.777.815.312
Thanh lý trong năm	(1.182.987.735)	(1.167.200.526)	(659.083.809)	-	-	(3.009.259.171)
Số cuối năm	1.152.630.357.505	455.921.235.563	66.670.746.360	12.459.768.857	416.499.500	1.685.338.607.785
Trong đó:						
Đầu khấu hao hết	175.846.501.933	30.886.302.621	14.084.902.597	1.871.165.857	193.710.000	223.862.583.008
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(228.044.187.139)	(103.965.451.047)	(26.843.897.417)	(3.670.236.632)	(193.710.000)	(462.517.482.325)
Khấu hao trong năm	(66.332.722.502)	(25.263.686.168)	(7.331.687.586)	(1.965.911.253)	(27.975.750)	(100.922.953.066)
Thanh lý trong năm	1.182.987.735	1.090.012.662	659.080.909	-	-	2.932.071.307
Số cuối năm	(393.193.941.905)	(128.136.104.553)	(33.316.493.894)	(5.637.147.822)	(221.685.750)	(550.508.374.084)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	729.208.091.762	288.671.495.477	25.049.181.772	7.577.967.299	-	1.051.200.756.310
Số cuối năm	759.436.415.540	337.792.131.010	33.554.252.455	6.862.620.935	194.813.750	1.137.830.233.701
Trong đó:						
Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 19)	3.353.706.640	22.423.366.467	417.572.779	-	-	26.194.645.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	82.602.450	811.731.800	894.334.250
Mua sắm mới	150.000.000	-	150.000.000
Số cuối năm	232.602.450	811.731.800	1.044.334.250
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	82.602.450	306.231.800	388.834.250
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(82.602.450)	(483.687.525)	(566.289.975)
Hao mòn trong năm	(17.671.280)	(101.537.525)	(119.208.805)
Số cuối năm	(100.273.730)	(585.225.050)	(685.498.780)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	-	328.044.275	328.044.275
Số cuối năm	132.328.720	226.506.750	358.835.470

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng Nhà máy Giấy Giao Long	44.575.288.901	-
Chi phí xây dựng Nhà máy Bão hi	-	131.672.602.582
Công trình khác	177.832.727	23.900.704.359
TỔNG CỘNG	44.753.101.628	155.573.306.941

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VND</i>
Tân Cảng Giao Long	26%	5.285.159.450	26%	4.966.796.824

(*) Tân Cảng Giao Long là một công ty cổ phần được thành lập theo GCNĐKDN số 13309990134 do SKHĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 12 tháng 8 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại Số 125, Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty này là cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau.

	VND
Giá trị đầu tư:	
Vào đầu năm và cuối năm	2.600.000.000
Phần tùy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	2.356.796.824
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	329.392.028
Số cuối năm	2.686.188.852
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.956.796.824
Số cuối năm	5.256.188.852

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả cho người bán	495.828.317.273	279.756.522.097	
- Vipa Lausanne SA	181.812.643.601	73.071.164.446	
- International Forest Products (UK)	39.362.989.644	-	
- Midan Global Ltd	38.918.113.842	19.707.367.318	
- Waste Paper Trade	29.610.855.469	-	
- Khác	206.121.719.717	186.977.990.333	
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	38.797.672.151	25.545.162.781	
TỔNG CỘNG	532.623.989.424	305.301.684.878	

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Dongguan Hsinpi Paper Co., Ltd	7.213.903.967	-	
Dongguan ZhenXing Paper Co., Ltd	6.396.844.457	-	
Taichang Lingbo Paper Co., Ltd	3.672.271.206	-	
Xiamen C&D Paper & Pulp Co., Ltd	2.835.295.132	-	
Khác	7.166.305.958	821.102.852	
TỔNG CỘNG	27.284.420.722	821.102.852	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Càng trung năm	Giảm trung năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.004.297.417	58.223.555.763	(45.661.468.684)	14.156.794.496
Thuế thu nhập cá nhân	261.101.525	16.600.124.096	(14.558.077.810)	2.312.145.710
Thuế giá trị gia tăng	-	397.180.432.551	(397.180.432.551)	-
Khác	-	1.316.588.081	(1.316.588.081)	-
TỔNG CỘNG	1.865.398.942	473.330.108.390	(458.716.567.126)	16.478.940.206

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí điện nước	6.535.008.112	480.517.524
Chi phí lãi vay	1.015.036.765	484.841.885
TỔNG CỘNG	8.350.042.877	975.359.409

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoa hồng môi giới	2.725.039.559	2.089.106.251
Thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	480.717.287	480.717.287
Cổ tức phải trả	154.258.000	59.029.000
Khác	1.168.408.613	711.441.445
TỔNG CỘNG	4.528.423.461	3.340.293.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGÂN HÀNG

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng ngắn hạn	370.769.253.807	1.797.986.481.801	11.650.392.535.412)	518.363.300.196

Chỉ tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	280.551.375.876	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2023 đến ngày 18 tháng 5 năm 2023	6,00 - 7,60	Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng Hongkong và Shanghai Banking	162.506.606.975	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2023 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	4,00 - 6,90	Các khoản phải thu
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Giang	29.850.039.194	Ngày 25 tháng 2 năm 2023	5,00 - 7,60	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	21.806.396.941	Ngày 30 tháng 5 năm 2023	7,00	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 1.000.000.000 VND, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng Sacombank Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	13.646.881.210	Ngày 11 tháng 1 năm 2023	4,85	Khoản phải thu trị giá 7.500.000 USD

TỔNG CỘNG **518.363.300.196**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các năm tại chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tính hình tăng (giảm) vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VNO Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	559.947.830.000	235.247.935.803	39.241.147.368	560.497.409.592	1.394.944.316.463
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	481.340.230.615	481.340.230.615
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	139.986.400.000	-	-	(139.986.400.000)	-
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	(167.887.349.000)	(167.887.349.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	19.596.179.394	(19.596.179.394)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.838.471.758)	(7.838.471.758)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.363.000.000)	(3.363.000.000)
Số cuối năm	699.944.230.000	235.247.935.803	58.837.320.462	703.066.240.055	1.697.095.726.320
Năm nay					
Số đầu năm	699.944.230.000	235.247.935.803	58.837.320.462	703.066.240.055	1.697.095.726.320
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	379.458.584.417	379.458.584.417
Cổ tức trả bằng tiền	-	-	-	(314.974.903.500)	(314.974.903.500)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	24.067.011.531	(24.067.011.531)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.626.804.612)	(9.626.804.612)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.597.000.000)	(3.597.000.000)
Số cuối năm	699.944.230.000	235.247.935.813	82.904.331.993	730.259.104.829	1.748.355.602.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	699.944.230.000	699.944.230.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố (*)	314.974.903.500	307.973.749.000
Cổ tức đã trả bằng tiền (*)	(314.974.903.500)	(167.987.349.000)
- Cổ tức năm 2021 đã trả bằng tiền	(209.983.269.000)	(139.989.457.500)
- Tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền	(104.991.634.500)	-
- Tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền	-	(27.997.891.500)
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	(139.986.400.000)

(*) Nhóm Công ty đã công bố tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 bằng tiền tại mức 35% và cổ phiếu tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (với tổng giá trị là 342.972.634.500 VND) theo phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022.

Trong năm, Nhóm Công ty đã chi trả cổ tức các đợt còn lại của năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 30% và với tổng giá trị 209.983.269.000 VND theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 13/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết HĐQT số 22/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Nghị quyết HĐQT số 37/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2022.

Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng đã công bố và chi làm ứng cổ tức đợt 1 và 2 của năm 2022 bằng tiền mặt với tổng tỷ lệ tương ứng 15% và với tổng giá trị 104.991.634.500 VND, theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 38/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2022 và Nghị quyết HĐQT số 42/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chủ trương của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ nêu trên.

20.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	69.994.423	69.994.423
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	69.994.423	69.994.423
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	69.994.423	69.994.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.4 Lợi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	379.458.584.417	481.340.230.615
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	(7.589.171.088)	(9.626.804.612)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu có phiếu phổ thông của Công ty (VND)	371.869.412.729	471.713.426.003
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (ii)	80.493.048	80.493.048
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.620	5.860
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.620	5.860

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-HĐQCD ngày 17 tháng 6 năm 2022

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 theo Nghị Quyết Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-DHĐCD nêu trên

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được trình bày lại để phản ánh nghiệp vụ phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ 15% trên mệnh giá theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-HĐQCD ngày 17 tháng 6 năm 2022 (Thuyết minh số 30)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.935.885.493.523	4.184.826.385.369
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.915.705.346.582	4.164.620.544.824
Doanh thu bán hàng hóa	14.604.454.545	-
Doanh thu khác	5.555.692.396	205.840.545
Các khoản giảm trừ	(1.138.734.067)	(495.850.816)
Trong đó:		
Chiết khấu thanh toán	(542.294.144)	(425.708.116)
Giảm giá hàng bán	(421.067.673)	-
Hàng bán bị trả lại	(175.432.250)	(70.142.700)
Doanh thu thuần	3.934.726.759.456	4.164.330.534.553
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.914.566.612.515	4.164.124.694.008
Doanh thu bán hàng hóa	14.604.454.545	-
Doanh thu khác	5.555.692.396	205.840.545

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.791.906.229	12.121.171.958
Lãi liên gửi	3.710.680.799	2.195.734.676
Chiết khấu thanh toán	1.129.002.046	416.086.483
TỔNG CỘNG	20.631.569.074	14.732.993.119

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.300.103.403.551	3.491.625.407.393
Giá vốn hàng hóa đã bán	18.397.562.770	-
Giá vốn khác	5.354.724.844	53.907.271
TỔNG CỘNG	3.323.855.681.165	3.491.679.314.664

TI-UYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.111.142.447	15.763.593.086
Lỗ chênh lệch tỷ giá	22.898.056.903	1.377.891.594
TỔNG CỘNG	42.009.199.350	17.141.484.680

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	119.423.890.402	120.440.937.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.735.220.107	96.757.679.348
Chi phí nhân viên	17.356.170.814	17.268.947.521
Chi phí vật liệu	5.164.856.556	3.278.300.193
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.947.773.429	2.110.309.316
Khác	2.219.869.496	1.025.701.253
Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.049.892.173	41.692.957.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.126.233.487	21.843.278.285
Chi phí nhân viên	12.227.326.432	11.651.361.775
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.331.486.838	2.926.984.494
Chi phí vật liệu	1.267.913.151	895.172.772
Khác	5.095.932.465	4.376.160.627
TỔNG CỘNG	157.473.782.575	162.133.895.584

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.480.525.221	3.119.005.663
Thu nhập từ bất thường	5.317.853.310	3.119.003.282
Các khoản khác	162.671.911	2.381
Chi phí khác	(670.686.768)	(98.721.417)
Tiền phạt thuế	(7.272.170)	-
Khác	(663.414.598)	(98.721.417)
LỢI NHUẬN KHÁC	4.809.838.453	3.020.284.246

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	2.975.860.316.157	2.817.570.433.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	553.069.746.680	628.514.166.427
Chi phí nhân viên	154.586.971.677	151.518.821.508
Chi phí khấu hao và hao mòn	-	-
(Thuyết minh số 10 và 11)	101.042.171.871	102.514.672.239
Khác	37.402.084.722	22.367.494.633
TỔNG CỘNG	3.831.961.291.087	3.722.485.586.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty: Công ty được miễn hai năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy giấy Giao Long Giai đoạn 2 kể từ khi có thu nhập tính thuế (2020 - 2021) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn năm tiếp theo (2022 - 2025).

Bao Bì Bến Tre: Công ty này có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế trong vòng sáu (6) năm tính từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động kinh doanh là năm 2022. Công ty này được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn (4) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	58.223.965.763	30.334.428.236
Thu nhập thuế hoãn lại	(523.693.661)	(110.376.323)
TỔNG CỘNG	57.700.272.102	30.224.051.913

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	437.158.856.519	511.564.282.528
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng:	87.431.771.304	102.312.856.506
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	649.905.663	632.373.766
Lãi từ công ty liên kết	(65.872.525)	(87.033.108)
Lỗ thuế ở công ty con	1.108.889.635	-
Thuế TNDN được giảm	(31.424.421.975)	(72.634.145.251)
Chi phí thuế TNDN	57.700.272.102	30.224.051.913

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các bên đồng trọng năm này và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
			VND	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nói bộ chưa thực hiện	634.069.984	110.376.323	523.693.661	110.376.323
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	634.069.984	110.376.323		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			523.693.661	110.376.323

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có nghiệp vụ giao dịch trọng yếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tân Cảng Giác Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Năng Lượng Thành Công ("Năng Lượng Thành Công")	Công ty cung cấp điện H&QT
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám Đốc
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám Đốc
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT
Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT
Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS
Ông Lê Hoàng Phụng	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm này và năm trước như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	VND	
			Năm nay	Năm trước
Năng Lượng Thành Công	Công ty cùng thành viên HĐQT	Mua hơi Mua điện	311.844.466.141 -	233.319.387.209 127.750.376.720
Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Phi thuê bãi	24.032.508.950 2.193.750.000	13.734.544.040 2.175.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng				
Năng Lượng Thành Công	Công ty cùng thành viên HĐQT	Bán tài sản cố định	1.722.999.982	5.168.509.086
Phải trả người bán ngắn hạn				
Năng Lượng Thành Công	Công ty cùng thành viên HĐQT	Mua hơi	29.145.915.351	25.371.660.781
Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	7.651.756.800	173.502.000
TỔNG CỘNG			36.797.672.151	25.545.162.781

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Thu nhập Năm nay	Năm trước
Ông Lương Văn Thanh	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám Đốc	1.571.018.234	1.954.777.156
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc	1.902.846.635	2.473.464.350
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	1.232.184.693	1.366.873.900
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	249.000.000	342.000.000
Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	224.500.000	342.000.000
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	249.000.000	138.000.000
Ông Dương Thanh Công	Thành viên HĐQT	24.500.000	-
Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	-	75.000.000
Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT	-	75.000.000
Bà Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng BKS	87.000.000	125.000.000
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	216.317.797	246.187.108
Ông Lê Hoàng Phong	Thành viên BKS	55.500.000	63.000.000
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	10.500.000	-
Bà Mai Huyền Ngọc	Thành viên BKS	-	51.000.000
TỔNG CỘNG		6.822.366.359	7.272.302.512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	995.239.204	1.000.906.328
Từ 1 - 5 năm	3.980.956.814	4.003.625.313
Trên 5 năm	29.449.451.077	12.383.610.961
TỔNG CỘNG	34.425.647.095	17.388.142.602

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 15% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông với giá trị là 104.986.480.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 và Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 1 năm 2023. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông tăng lên 10.498.625 cổ phiếu và công ty đã hoàn tất việc niêm yết bổ sung vào ngày 27 tháng 1 năm 2023. Việc niêm yết bổ sung này đã được chấp thuận bởi SKHĐT Tỉnh Bến Tre thông qua việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 vào ngày 10 tháng 1 năm 2023.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phan Thị Trúc Ly
Người lập



Nguyễn Hồng Thanh
Kế toán trưởng



Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Bến Tre, ngày 20 tháng 4 năm 2023

Người đại diện theo pháp luật



Lê Bá Phương

